

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CẢ NƯỚC

KHU VỰC NÔNG THÔN

Tháng 01 năm 2017

Đơn vị tính: %

	CHỈ SỐ GIÁ THÁNG 01 NĂM 2017 SO VỚI		
	<i>Kỳ gốc năm 2014</i>	<i>Tháng 1 năm 2016</i>	<i>Tháng 12 năm 2016</i>
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	105,28	105,20	100,35
I, Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	104,18	101,98	99,59
1- Lương thực	102,50	102,29	100,43
2- Thực phẩm	104,09	101,88	99,24
3- Ăn uống ngoài gia đình	105,70	102,06	100,13
II, Đồ uống và thuốc lá	105,15	102,34	100,72
III, May mặc, mũ nón, giày dép	105,06	101,64	100,32
IV, Nhà ở và vật liệu xây dựng (*)	101,09	102,21	100,68
V, Thiết bị và đồ dùng gia đình	103,64	101,02	100,14
VI, Thuốc và dịch vụ y tế	172,96	167,79	100,12
Trong đó: Dịch vụ y tế	197,94	192,22	100,13
VII, Giao thông	86,65	105,29	103,33
VIII, Bưu chính viễn thông	99,00	99,56	99,96
IX, Giáo dục	117,10	109,37	100,71
Trong đó: Dịch vụ giáo dục	120,45	111,27	100,87
X, Văn hoá, giải trí và du lịch	103,00	101,24	100,09
XI, Hàng hoá và dịch vụ khác	105,80	102,29	100,33

(*) Nhóm này bao gồm: tiền thuê nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng.